

BIỂU MẪU 20

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm 2024-2025

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

Tham gia giảng dạy các học phần trong các chương trình đào tạo tại Trường ĐHQGHN, ngoài các giảng viên cơ hữu của Trường còn có sự tham gia giảng dạy của các giảng viên của các đơn vị thành viên, trực thuộc của ĐHQGHN theo mô hình a+b.

Danh sách giảng viên cơ hữu do Trường Đại học Giáo dục quản lý

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I. Tổng số												
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	118	4	25	63	24	2	0	0	63	24	29
a	Khối ngành I	100	3	21	53	21	2	0	0	50	21	24
- Ngành Cử nhân Sư phạm Toán học - Ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn - Ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lí - Ngành Cử nhân Giáo dục Mầm non - Ngành Cử nhân Giáo dục Tiểu học - Ngành Cử nhân Sư phạm Vật lý - Ngành Cử nhân Sư phạm Sinh học - Ngành Cử nhân Sư phạm Hóa học - Ngành Cử nhân Quản trị trường học - Ngành Cử nhân Khoa học Giáo dục - Ngành Cử nhân Quản trị chất lượng												

- Ngành Cử nhân KHTN
- Ngành Cử nhân Quản trị công nghệ giáo dục
- Ngành Cử nhân tham vấn học đường
- Thạc sĩ ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
- Thạc sĩ ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lý
- Thạc sĩ ngành LL&PP dạy học bộ môn Sinh học
- Thạc sĩ ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
- Thạc sĩ ngành LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử
- Thạc sĩ ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
- Thạc sĩ QLGD
- Thạc sĩ Quản trị trường học
- Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục
- Thạc sĩ Tham vấn học đường
- Tiến sĩ Lý luận, Phương pháp và công nghệ dạy học
- Tiến sĩ QLGD
- Tiến sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục

b	Khối ngành VII	18	1	4	10	3	0	0	10	3	5
- Thạc sĩ Tâm lý Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên - Tiến sĩ Tâm lý Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Học hàm	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
Khối ngành I							
1.	Nguyễn Minh Tuấn	1960	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
2.	Nguyễn Chí Thành	1970	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
3.	Phạm Đức Hiệp	1984	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
4.	Cao Thị Hà	1971	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
5.	Vũ Trọng Lưỡng	1979	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
6.	La Đức Minh	1979	Nam	GVC		Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
7.	Nguyễn Phú Hoàng Lân	1980	Nam	GV		Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
8.	Phạm Văn Hoàng	1981	Nam	GV		Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
9.	Trần Xuân Quang	1981	Nam	GVC		Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
10.	Nguyễn Đức Huy	1974	Nam	GVC		Tiến sĩ	Toán học, LLPPDH bộ môn Toán
11.	Đào Thị Hoa Mai	1982	Nữ	GV		Thạc sĩ	Toán học
12.	Nguyễn T Thảo Linh	1999	Nữ	GV		Thạc sĩ	Toán học
13.	Mai Văn Hưng	1960	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Sinh học, LLPPDH bộ môn Sinh học
14.	Lê Thị Phụng	1975	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Sinh học, LLPPDH bộ môn Sinh học

15.	Nguyễn Thị Hà	1979	Nữ	GV		Tiến sĩ	Sinh học, LLPPDH bộ môn Sinh học
16.	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	1978	Nữ	GV		Tiến sĩ	Sinh học, LLPPDH bộ môn Sinh học
17.	Lại Phương Liên	1989	Nữ	GV		Tiến sĩ	Sinh học, LLPPDH bộ môn Sinh học
18.	Đỗ Thùy Linh	1991	Nữ	GV		Tiến sĩ	Sinh học, LLPPDH bộ môn Sinh học
19.	Trương Thị Bích	1968	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Ngữ văn, Giáo dục Tiểu học; LLPPDH bộ môn Ngữ văn
20.	Phạm Thị Thu Hiền	1980	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Ngữ văn, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
21.	Lê Hải Anh	1972	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Ngữ văn, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
22.	Nguyễn Đức Khuông	1970	Nam	GV		Tiến sĩ	GD Tiểu học, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
23.	Lã Phương Thúy	1984	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Ngữ văn, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
24.	Phạm Thị Thanh Phụng	1983	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Ngữ văn, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
25.	Dương Tuyết Hạnh	1974	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Ngữ văn, GD Tiểu học, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
26.	Nguyễn Thu Hường	1980	Nữ	GV		Tiến sĩ	GD Tiểu học, LLPPDH bộ môn Ngữ văn
27.	Trần Trang Linh	2001	Nữ	GV		Cử nhân	Ngữ văn
28.	Vũ Văn Hùng	1957	Nam	GVCC	GS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Vật lí

29.	Lê Thái Hưng	1982	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Vật lý, LLPPDH bộ môn Vật lý; ĐLĐG trong GD; QTCL
30.	Lê Thị Thu Hiền	1979	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Vật lý, LLPPDH bộ môn Vật lý
31.	Lê Khắc Quynh	1982	Nam	GVC		Tiến sĩ	Vật lý, LLPPDH bộ môn Vật lý
32.	Nguyễn Thị Lan Ngọc	1986	Nữ	GV		Tiến sĩ	Vật lý, LLPPDH bộ môn Vật lý
33.	Lê Chí Nguyên	1964	Nam	GVC		Tiến sĩ	Vật lý, LLPPDH bộ môn Vật lý
34.	Phạm Kim Chung	1970	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Vật lý
35.	Khuất Thị Thanh Huyền	1992	Nữ	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Vật lý
36.	Vũ Thị Thu Hoài	1972	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Hóa học; LLDH bộ môn Hoá học
37.	Vũ Minh Trang	1983	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Hóa học; LLDH bộ môn Hoá học
38.	Nguyễn Hoàng Trang	1985	Nữ	GV		Tiến sĩ	Hóa học; LLDH bộ môn Hoá học
39.	Nguyễn Hữu Chung	1970	Nam	GVC		Tiến sĩ	Hóa học; LLDH bộ môn Hoá học
40.	Phạm Thị Kim Giang	1978	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Hóa học; LLDH bộ môn Hoá học
41.	Hoàng Thu Hà	1972	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Hóa học; LLDH bộ môn Hoá học
42.	Vũ Phương Liên	1982	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Hóa học
43.	Đoàn Nguyệt Linh	1980	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Lịch sử; Lịch sử và Địa lý; LLPPDH bộ môn Lịch sử
44.	Nguyễn Văn Ngọ	1978	Nam	GV		Tiến sĩ	Lịch sử; Lịch sử và Địa lý; LLPPDH bộ môn Lịch sử
45.	Nguyễn Phùng Tám	1982	Nam	GV		Tiến sĩ	Lịch sử; Lịch sử và Địa lý; LLPPDH bộ môn Lịch sử

46.	Nguyễn Bá Ngọc	1976	Nam	GV		Tiến sĩ	Lịch sử và Địa lý; QLGD; QTTH
47.	Nguyễn Ngọc Ánh	1976	Nam	GV		Tiến sĩ	Lịch sử và Địa lý
48.	Chu Thị Hồng Nhung	1982	Nữ	GV		Tiến sĩ	Giáo dục mầm non
49.	Trần Thị Kim Yến	1978	Nữ	GV		Tiến sĩ	Giáo dục mầm non
50.	Hoàng Thị Nho	1975	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Giáo dục mầm non
51.	Nguyễn Việt Hiền	1986	Nữ	GV		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non
52.	Nguyễn Thiều Dạ Hương	1990	Nữ	GV		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non
53.	Lê Thủy Tiên	1995	Nữ	GV		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non
54.	Đặng Văn Phúc	1996	Nam	GV		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non
55.	Văn Thị Minh Tư	1972	Nữ	GV		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non
56.	Lê Thanh Huyền	1983	Nữ	GV		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non
57.	Lại Thị Yên Ngọc	1981	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực; GD Mầm non
58.	Phạm Quang Tiệp	1980	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học;
59.	Nguyễn Văn Hưng	1996	Nam	GV		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học
60.	Trần Lê Thủy	1984	Nữ	GV		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học
61.	Đặng Minh Tuấn	1981	Nam	GV		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học
62.	Hồ Quang Hoà	1982	Nam	GV		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học
63.	Nguyễn Quý Thanh	1965	Nam	GVCC	GS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐL&ĐG; QTCL; QLGD
64.	Nguyễn Thúy Nga	1978	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐL&ĐG; QTCL; QLGD
65.	Lê Thị Hoàng Hà	1977	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐL&ĐG
66.	Tăng Thị Thùy	1984	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTCL, ĐL&ĐG

67.	Lê Thanh Huyền	1987	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTCL, ĐLĐG
68.	Nguyễn Anh Tuấn	1973	Nam	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐLĐG; QTCL
69.	Trần Thị Thu Hương	1985	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐLĐG; QTCL
70.	Nguyễn Thanh Tú	1985	Nam	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐLĐG; QTCL
71.	Nguyễn Thái Hà	1996	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐLĐG; QTCL
72.	Nguyễn Thị Phương Vy	1995	Nữ	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, ĐLĐG; QTCL
73.	Nguyễn Đức Hạnh	1991	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTCL, ĐLĐG
74.	Trần Doãn Vinh	1965	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực; CNGD
75.	Tôn Quang Cường	1970	Nam	GVCC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
76.	Vũ Cẩm Tú	1988	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
77.	Nguyễn Thị Giang	1986	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
78.	Nguyễn Quý Vinh	1984	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
79.	Nguyễn Đức Can	1972	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
80.	Nguyễn Tùng Lâm	1998	Nữ	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
81.	Nguyễn Đức Nguyên	1980	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD

82.	Đặng Quang Tuyền	1988	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, CNGD
83.	Trần Thái Long	2000	Nam	GV		Cử nhân	Dạy môn chung theo lĩnh vực. CNGD
84.	Lê Ngọc Hùng	1959	Nam	GVCC	GS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
85.	Nguyễn Văn Hồng	1968	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
86.	Phạm Văn Thuận	1974	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
87.	Dương Thị Hoàng Yến	1973	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
88.	Trịnh Văn Minh	1956	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
89.	Nguyễn Thị Hương	1973	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
90.	Nguyễn Trung Kiên	1979	Nam	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
91.	Nghiêm Thị Thanh	1979	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
92.	Hà Thị Thanh Thủy	1970	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
93.	Mai Thị Khuyên	1978	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
94.	Nguyễn Phương Huyền	1975	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
95.	Nghiêm Thị Dương	1972	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
96.	Vũ Thị Thúy Hằng	1981	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD

97.	Nguyễn Thanh Lý	1982	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
98.	Trần Thị Thanh Hà	1986	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
99.	Châu Dương Quang	1990	Nam	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
100.	Kim Mạnh Tuấn	1989	Nam	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, QTTH; QLGD
Khối ngành VII							
1.	Đặng Hoàng Minh	1979	Nữ	GVCC	GS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Tâm lý học lâm sàng
2.	Trần Thành Nam	1980	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Tâm lý học lâm sàng
3.	Trần Văn Công	1983	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Tâm lý học lâm sàng
4.	Hồ Thu Hà	1990	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Tâm lý học lâm sàng
5.	Lê Thị Huyền Trang	1981	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực, Tâm lý học lâm sàng
6.	Đinh Thị Kim Thoa	1963	Nữ	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
7.	Phạm Mạnh Hà	1974	Nam	GVCC	PGS	Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
8.	Nguyễn Hồng Kiên	1974	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
9.	Nguyễn T Bích Liên	1978	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực

10.	Trần Văn Tính	1977	Nam	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
11.	Nguyễn T Thanh Huyền	1978	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
12.	Hoàng Gia Trang	1975	Nam	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
13.	Trần Thị Quỳnh Trang	1987	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
14.	Nguyễn T Anh Thư	1983	Nữ	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
15.	Trần Thị Mai Phương	1989	Nữ	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
16.	Lữ Thị Mai Oanh	1987	Nữ	GV		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
17.	Nguyễn Phương Hồng Ngọc	1993	Nữ	GV		Thạc sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực
18.	Nguyễn Thị Liên	1973	Nữ	GVC		Tiến sĩ	Dạy môn chung theo lĩnh vực

Danh sách giáo viên trường THPT Khoa học Giáo dục tham gia hoạt động Kiến tập thực tập cho sinh viên

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1.	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán học
2.	Nguyễn Đức Duy	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán học
3.	Lê Thị Bích Xuyên	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
4.	Trần Thị Hường	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
5.	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
6.	Đỗ Minh Tuấn	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán học
7.	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán học

8.	Nguyễn Viết Sơn Tùng	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán học
9.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	GV	Tiến sĩ	Toán học
10.	Ngô Thị Hồng Trang	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
11.	Trịnh Thị Hương Giang	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
12.	Phạm Hạnh Nguyên	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
13.	Lê Bích Ngọc	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
14.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán học
15.	Nguyễn Văn Khải	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán học
16.	Đặng Thị Mây	Nữ	GV	Tiến sĩ	Văn học
17.	Hoàng Lan Hương	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
18.	Phạm Thị Thư	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
19.	Nghiêm Thu Hằng	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
20.	Bùi Thị Bảo Ngọc	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
21.	Phạm Hải Anh	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
22.	Phạm Thị Mai	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
23.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
24.	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
25.	Phạm Thị Hương	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
26.	Trần Thị Tuyết Chinh	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
27.	Trần Đình Thiết	Nam	GV	Thạc sĩ	Hoá học
28.	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	GV	Thạc sĩ	Hoá học
29.	Đỗ Thanh Hà	Nữ	GV	Thạc sĩ	Hoá học
30.	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	GV	Thạc sĩ	Hoá học
31.	Trần Thúy Hằng	Nữ	GV	Thạc sĩ	Hoá học

32.	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	GV	Thạc sĩ	Sinh học
33.	Nguyễn Thị Giang	Nữ	GV	Thạc sĩ	Sinh học
34.	Vũ Thế Anh	Nam	GV	Thạc sĩ	Vật lí
35.	Nguyễn Thị Hoàng Mơ	Nữ	GV	Thạc sĩ	Vật lí
36.	Phạm Hồng Bích	Nữ	GV	Thạc sĩ	Vật lí
37.	Đặng Thị Diệu	Nữ	GV	Thạc sĩ	Vật lí
38.	Phạm Thị Kim Thúy	Nữ	GV	Thạc sĩ	Vật lí
39.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	GV	Thạc sĩ	Vật lí
40.	Đỗ Thị Như Yến	Nữ	GV	Thạc sĩ	Vật lí
41.	Phạm Trung Kiên	Nam	GV	Thạc sĩ	Vật lí
42.	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lí
43.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lí
44.	Bùi Thị Thu Hoa	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lí
45.	Vũ Thị Hà Phương	Nữ	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
46.	Trần Thị Tuyết	Nữ	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
47.	Nguyễn Thị Năm	Nữ	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
48.	Trình Ngọc Châm	Nữ	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
49.	Nguyễn Tiến Hương	Nữ	GV	Thạc sĩ	Lịch sử

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi: $3678/237 = 1/16$

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Thái Hương